

SIGMACOVER™ 435

THÔNG TIN CHUNG

- Xuất xứ: Indonesia
- Độ bóng: Vô trùng
- Thời gian khô: Khô bề mặt 2 giờ
- Số thành phần: 2
- Màu sắc: Ghi nhạt, ghi tối, xanh lá, nhôm

THÔNG TIN CHI TIẾT

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Là sơn epoxy 2 thành phần đóng rắn hóa học có thể sơn lại được, thành phần polyamine có sắc tố sắt, kết dính cao

ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

- Lớp sơn epoxy có nhiều tính năng sử dụng như tạo độ dày cho hệ sơn và dung để sơn hoàn chỉnh trong qui trình hệ sơn để bảo vệ bề mặt sắt thép, kết cấu bê tông để ngoài trời hoặc tiếp xúc với nước biển
- Dễ thi công có thể sơn phun khí nén hoặc chổi cọ
- Đóng rắn ngay cả khi nhiệt độ xuống dưới -10°C (14°F)
- Độ ẩm tương đối tăng cao lên đến 95% nhưng chất lượng lớp sơn không bị ảnh hưởng trong quá trình thi công và đóng rắn
- Bám dính tốt với hầu hết trên các lớp sơn cũ, sơn alkyd còn tốt, sơn, sơn cao su clo hóa và sơn epoxy
- Có thể sơn lại với các loại sơn 2 thành phần và sơn thông thường kể cả khi sơn xong để lâu ngoài trời trong khoảng thời gian dài
- Bền với nước và chịu được sự bám dính của hóa chất nhẹ trên bề mặt
- Tuổi thọ của sơn tốt
- Có tính mềm dẻo trong khoảng thời gian dài
- Chịu được nhiệt độ tới 200°C (390°F)

MÀU SẮC VÀ ĐỘ BÓNG

- Ghi nhạt (9553-05), ghi tối (9558-05), xanh lá (9441-05), nhôm (9590-05)
- Vô trùng

THÔNG SỐ CƠ BẢN TẠI 20°C (68°F)

Thông số kỹ thuật cho thành phần sơn đã trộn	
Số thành phần	Hai
Tỉ trọng khối lượng	1.4 kg/l (11.7 lb/US gal)
Thể tích chất rắn	$63 \pm 2\%$
VOC (Supplied)	Directive 1999/13/EC, SED: max. 241.0 g/kg UK PG 6/23(92) Appendix 3: max. 344.0 g/l (approx. 2.9 lb/US gal)
Độ dày màng sơn khô cho phép	75 - 150 μm (3.0 - 6.0 mils) depending on system
Định mức lí thuyết	6.3 m^2/l for 100 μm (253 $\text{ft}^2/\text{US gal}$ for 4.0 mils)
Thời gian khô để sờ được sau	2 giờ
Thời gian khô để sơn lớp kết tiếp	Tối thiểu: 3 giờ Tối đa: Không giới hạn
Thời gian đóng rắn	4 ngày

Thông số kỹ thuật cho thành phần sơn đã trộn	
Thời gian bảo quản (cất giữ ở nơi khô ráo và thoáng mát)	Tối thiểu 24 tháng

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUẨN BỊ BỀ MẶT VÀ NHIỆT ĐỘ TRONG QUÁ TRÌNH SƠN

Điều kiện bề mặt

- Thép; thối hạt tới tiêu chuẩn ISO-Sa2½, độ nhám bề mặt 40 – 70 µm (1.6 – 2.8 mils)
- Thép có lớp sơn lót là kẽm silicate thối lượt tới tiêu chuẩn SPSS hoặc làm sạch bằng phương pháp cơ học SSPC SP3 (SPSS-Pt3)
- Lớp sơn trước cần phải khô và không còn tạp chất bẩn.

Nhiệt độ bề mặt

- Có thể chấp nhận nhiệt độ bề mặt giảm xuống -10°C (14°F) ; trong qua trình sơn và đóng rắn sơn qui định bề mặt không có nước và tuyết
- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và đóng rắn tối thiểu 3°C (5°F) và cao hơn điểm sương.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tỉ lệ trộn theo thể tích chính với chất đóng rắn 82:18

- Nhiệt độ của sơn và keo sau khi đã pha trộn vào với nhau nên ở mức trên 10°C (50°F), nếu không phải pha thêm dung môi để tăng độ nhớt.
- Pha thêm dung môi sau khi đã pha trộn thêm thành phần sơn.
- Quá nhiều dung môi làm giảm khả năng chống chảy và đóng rắn chậm.

Thời gian cảm ứng: Không có.

Thời gian sống của sơn: 5 giờ tại 20°C (68°F)

SƠN PHUN ÁP LỰC CAO CHÂN KHÔNG

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 10 - 15%, tùy thuộc vào chiều dày yêu cầu và điều kiện thi công

Cỡ béc phun: 2.0 – 3.0 mm (Xấp xỉ. 0.079 – 0.110 in)

Áp lực tại đầu phun: 0.3 - 0.4 MPa (Xấp xỉ. 3 - 4 bar; 44 - 58 p.s.i.)

SƠN PHUN KHÍ NÉN

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 5 - 10%, 10 - 15%, tùy thuộc vào chiều dày yêu cầu và điều kiện thi công

Cỡ béc phun: Xấp xỉ. 0.48 – 0.58 mm (0.019 – 0.023 in)

Áp lực tại đầu phun: 15.0 MPa (Xấp xỉ. 150 bar; 2176 p.s.i.)

Chối cơ

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 0 – 5%

Dung môi xúc rửa: THINNER 90-53

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chiều dày màng sơn và định mức

Chiều dày khô tính bằng μm	Độ phủ lí thuyết
75 μm (3.0 mils)	8.4 m ² /l (337 ft ² /US gal)
100 μm (4.0 mils)	6.3 m ² /l (253 ft ² /US gal)
150 μm (6.0 mils)	4.2 m ² /l (168 ft ² /US gal)

Bảng thời gian phủ lớp kế tiếp với độ dày khô lên tới 150 μm (6.0 mils)

Phủ với...	Khoảng thời gian	-5°C (23°F)	5°C (41°F)	10°C (50°F)	20°C (68°F)	30°C (86°F)	40°C (104°F)
SIGMA VIKOTE 46, SIGMADUR 550, SIGMADUR 520 and SIGMARINE 40	Tối thiểu	3 ngày	24 giờ	16 giờ	8 giờ	5 giờ	3 giờ
	Tối đa	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited
SIGMACOVER 435 and SIGMACOVER 456	Tối thiểu	36 giờ	10 giờ	4 giờ	3 giờ	2 giờ	2 giờ
	Tối đa	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited	Unlimited

Bảng đóng rắn đối với chiều dày khô lên tới 150 μm (6.0 mils)

Nhiệt độ bề mặt	Khô để vận chuyển	Đóng rắn hoàn toàn
-10°C (14°F)	24 giờ - 48 giờ	20 ngày
-5°C (23°F)	24 giờ - 30 giờ	14 ngày
0°C (32°F)	18 giờ - 24 giờ	10 ngày
5°C (41°F)	18 giờ	8 ngày
10°C (50°F)	12 giờ	6 ngày
15°C (59°F)	8 giờ	5 ngày
20°C (68°F)	6 giờ	4 ngày
30°C (86°F)	4 giờ	3 ngày
40°C (104°F)	3 giờ	48 giờ

Thời gian sống (có độ nhớt để thi công được)

Nhiệt độ với thành phần sơn đã trộn	Thời gian sống
10°C (50°F)	12 giờ
20°C (68°F)	5 giờ
30°C (86°F)	4 giờ
40°C (104°F)	2 giờ

ĐỀ PHÒNG AN TOÀN

- Đối với sơn và dung môi cho phép xem bảng an toàn 1430, 1431 và các thông số kỹ thuật an toàn vật liệu liên quan.
- Đây là lớp sơn gốc dung môi nên cần chú ý tránh hít bụi sơn hay mùi sơn cũng như tiếp xúc với màng sơn còn ướt và tránh để da, mắt tiếp xúc vào.

GÍA TRỊ SỬ DỤNG TOÀN CẦU

Mục tiêu của hãng sơn PPG Protective and Marine Coatings là luôn cung cấp cùng một loại sản phẩm trên toàn thế giới, thỉnh thoảng có những hiệu chỉnh nhỏ nhằm phù hợp với từng điều lệ hoặc qui định chung của từng vùng hoặc từng nước.